TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2024/DS-PT
Ngày: 18 - 03 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Phi Kbuôr
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh
Ông Vũ Văn Tú

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Tài - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 90/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn M, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn D, xã K, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà N: Luật sư Nguyễn Huy H – Công ty L1 và Cộng Sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ, có mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Bùi Thị Hồng P, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị Tuyết N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị Tuyết N có quen biết nhau do trước đây công tác cùng đơn vị. Trước ngày 31/10/2021, bà N vay tiền của bà L nhiều lần nhưng đã trả hết, bà N nhắn tin nhờ bà L vay giúp 400.000.000 đồng (tin nhắn vào lúc 19 giờ 08 phút ngày 09/9/2021). Bà N giao thẻ Đảng viên cho bà L để làm tin vào thời gian trước ngày 10/9/2021 (Tin nhắn ngày 10/9/2021). Bà N tự đánh máy giấy vay tiền theo mẫu đã được bà L gửi cho từ trước.

Ngày 31/10/2021, bà L cho bà N vay 450.000.000 đồng, bà N đưa cho bà L giấy vay tiền đã viết sẵn thông tin phần người vay tiền, số tiền vay, thời hạn vay 10 ngày kể từ ngày 31/10, đã nhận đủ tiền và ký ghi rõ họ tên. Sau đó bà L viết vào mục bên cho vay, địa chỉ, bà L viết thêm "2021" vào mục "kể từ ngày 31/10"; "Và 01 thẻ Đảng viên mang tên Trần Thị Tuyết N". Mục đích vay tiền bà N nói để trả nợ Ngân hàng, bà N hẹn khi vay lại Ngân hàng sẽ trả tiền cho bà L, không thỏa thuận mức lãi suất. Việc giao tiền có sự chứng kiến của bà Bùi Thị Hồng P (đồng nghiệp của bà L).

Vài ngày sau, bà N nhờ bà L vay giúp thêm 400.000.000 đồng để đủ tiền trả cho Ngân hàng. Do cả nể, nên ngày 01/11/2021 bà L đã cho bà N vay thêm 400.000.000 đồng, bà N đưa cho bà L giấy vay tiền mà bà N đã viết sẵn thông tin của bên vay và viết đã nhận đủ tiền ký giấy vay tiền. Bà L chụp lại giấy vay tiền sau đó viết tên người cho vay và ký ngay sau khi bà N ký và nhận tiền nhưng chưa điền "Tại nhà....", và viết thiếu năm trong cụm từ "Kể từ ngày 01/11", (hình ảnh mà bà N cung cấp đúng là hình ảnh chứa thông tin còn thiếu mà bà L chụp lại ngay khi bà N nhận tiền, việc ghi thêm nội dung này không có ảnh hưởng gì đến các nội dung còn lại trong giấy vay tiền). Thời hạn vay là 15 ngày kể từ ngày 01/11/2021, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 1,5%/ tháng.

Quá thời hạn trả nợ, bà L đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại và đến nhà đòi tiền nhưng bà N tìm mọi cách trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ như đã thoả thuận (thể hiện ở các tin nhắn đòi tiền và bà N hứa hẹn sau ngày 01/11/2021). Đến nay bà N vẫn chưa trả cho bà L bất cứ khoản tiền nợ gốc và tiền lãi nào. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L cung cấp thêm thông tin của người làm chứng bà Bùi Thị Hồng P, đề nghị Tòa án đưa bà P tham gia tố tụng, vì bà P chứng kiến việc bà L giao tiền cho bà N 450.000.000 đồng vào ngày 31/10/2021 tại nhà bà L. Đối với ông Hoàng Trọng T là chồng của bà N, ông T không vay tiền của bà L, thông tin của ông T trong các giấy vay tiền là do bà N tự ghi vào. Do đó, bà L không khởi kiện ông T.

Theo đơn khởi kiện, bà L yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà N phải trả

450.000.000 đồng tiền nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 31/10/2021 và 400.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 01/11/2021. Tiền lãi phát sinh trên tiền nợ gốc 850.000.000 đồng là 119.935.000 đồng tạm tính từ ngày 16/11/2021 đến ngày 10/4/2023 mức lãi suất 10%/năm. Tổng cộng 996.935.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn sửa đổi ngày tính lãi, từ ngày 16/11/2021 đến ngày 15/4/2023 mức lãi suất 10%/năm trên nợ gốc 850.000.000 đồng là 119.931.000 đồng. Tổng cộng 969.931.000 đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị Tuyết N trình bày:*

Trước thời điểm ngày 31/10/2021, bà N có vay tiền bà L nhưng chưa trả hết. Trước ngày 31/10/2021, bà N có đặt vấn đề vay tiền của bà L nhưng bà L không có tiền. Bà N nhờ bà L hỏi người có tiền để cho bà N vay, mục đích trả nợ cho ngân hàng. Bà L yêu cầu bà N viết trước nội dung phần người vay tiền để có cơ sở chứng minh bà N có nhu cầu vay tiền vay thật thì người có tiền mới cho vay. Bà N in mẫu giấy vay tiền (mẫu giấy vay tiền bà L đã gửi Email cho bà N trước đó) và viết tay phần bên vay (tự viết tên của chồng mình là ông Hoàng Trọng T), chưa có thông tin của bên cho vay vì chưa biết ai cho vay. Bà N đưa 02 giấy vay cho bà L để bà L đi hỏi vay giúp nhưng không có ai cho vay. Thời gian đưa cho bà L 02 giấy vay tiền bà N chỉ nhớ vào năm 2021, không xác định được thời gian cụ thể. Bà N cho rằng chồng bà N không ký giấy vay, không có tên người cho vay thì 02 giấy vay tiền bà N đã đưa cho bà L không phát sinh quyền và nghĩa vụ. Do đó, bà N đã không đòi lại 02 giấy vay đã giao cho bà L.

Bà L sử dụng 02 giấy vay tiền nêu trên để khởi kiện là không đúng sự thật, vì bà N không vay và không nhận tiền của bà L. Bà L tự ghi thêm tên của bà L và một số nội dung liên quan đến bà L vào mục bên cho vay từ khi nào bà N không biết. Bà N không biết và cũng không thế chấp cho bà L Thẻ Đảng viên, nên không có ý kiến và yêu cầu gì về thẻ Đảng viên. Đối với những tin nhắn hứa hẹn trả nợ sau thời điểm ký 02 giấy vay nêu trên, bà N có nhắn tin hẹn trả tiền đối với những khoản nợ khác trước ngày 31/10/2021, không liên quan đến 02 giấy vay tiền trên. Hiện nay bà N đã trả hết những khoản tiền đã vay của bà L trước thời điểm 31/10/2021. Bà N không có chứng cứ về những khoản vay khác và những chứng cứ trả tiền.

Tại phiên tòa, bà N yêu cầu giám định tuổi mực tại phần chữ viết do bà L tự ghi để xác định ngày bà L viết vào giấy vay tiền, mục đích chứng minh bà N không vay tiền của bà L. Bà N bác bỏ lời khai của người làm chứng vì cho rằng người làm chứng không có mặt làm chứng, không được đưa vào trong quá trình giải quyết vụ án, không được triệu tập đến phiên tòa. Đồng thời, bà N không chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST, ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 102, khoản 1 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị Tuyết N phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L 969.931.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi chín triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn đồng*). Trong đó: 450.000.000 đồng nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 31/10/2021, 400.000.000 đồng nợ gốc theo giấy vay tiền ghi ngày 01/11/2021; 119.931.000 đồng tiền lãi chậm trả trên tổng nợ gốc 850.000.000 đồng tạm tính từ ngày 16/11/2021 đến ngày 15/4/2023.

Kể từ ngày 01/10/2023, cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2023 bị đơn bà Trần Thị Tuyết N kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST, ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trần Thị Tuyết N giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Tuy nhiên, quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm bà N có lời khai mâu thuẫn với lời khai của mình trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, cụ thể bà N khai: 02 giấy vay tiền ghi ngày 31/10/2021 và ghi ngày 01/11/2021 mà bà N ghi rõ họ tên, ký tên vay tiền của bà Nguyễn Thị L và ở phần dưới của 02 tờ giấy vay tiền bà N có ghi rõ "Đã nhận đủ số tiền 450.000.000 đồng, 400.000.000 đồng" là đúng sự thật, cụ thể đối với giấy vay số tiền 450.000.000 đồng thì đây là giấy chốt nợ cộng lại các khoản nợ trước đó mà bà N chưa trả cho bà L nên không có việc giao nhận tiền, còn giấy vay tiền 400.000.000 đồng là bà L có giao tiền cho bà N và bà N có nhận số tiền này. Đến

thời điểm vào ngày 01/11/2021, bà N thừa nhận còn nợ bà L là 850.000.000 đồng tiền gốc. Về lý do tại Tòa án cấp sơ thẩm bà N không thừa nhận khoản vay 850.000.000 đồng này của bà L là do chưa tìm được chứng cứ đã trả một phần gốc và lãi cho bà L. Đối với khoản vay 850.000.000 đồng này, theo bà N trình bày đến nay bà N đã trả cho bà L được 420.000.000 đồng tiền gốc và 240.100.000 đồng tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản nhiều lần tại Ngân hàng và có cung cấp bản sao kê tài khoản ngân hàng. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N cho rằng bà L tính lãi suất cho bà N từ 3000 đồng đến 5000 đồng/1 triệu/1 ngày là lãi suất quá cao, đồng thời đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng được khấu trừ số tiền mà bà N đã trả cho bà L với số tiền gốc là 420.000.000 đồng và 240.100.000 đồng tiền lãi suất, do bà L vắng mặt tại phiên tòa, nếu không làm rõ được thì đề nghị dừng phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy kháng cáo của bà Trần Thị Tuyết N là không có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Tuyết N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST, ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định, đã đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 969.931.000 đồng (trong đó nợ gốc là 850.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính từ ngày 16/11/2021 đến ngày 15/4/2023 với mức lãi suất 10%/năm là 119.931.000 đồng) và nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Tuyết N thừa nhận 02 giấy vay tiền ghi ngày 31/10/2021 và ghi ngày 01/11/2021 mà bà N ghi rõ họ tên, ký tên vay tiền của bà Nguyễn Thị L và ở phần dưới của 02 tờ giấy vay tiền bà N có ghi rõ "Đã nhận đủ số tiền 450.000.000 đồng, 400.000.000 đồng" là đúng sự thật, cụ thể đối với giấy vay số tiền 450.000.000 đồng thì đây là giấy chốt nợ cộng lại các khoản nợ trước đó mà bà N chưa trả cho bà L nên không có việc giao nhận tiền, còn giấy vay tiền 400.000.000 đồng là bà L có giao tiền cho bà N và bà N có nhận số tiền này. Đến thời điểm vào ngày 01/11/2021, bà N thừa nhận còn nợ bà L là 850.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, việc bà N vay tiền bà L trong 02 giấy vay tiền nêu trên là có thật nên không cần phải chứng minh. Đồng thời bà N cho rằng đã trả cho bà L với số tiền gốc là 420.000.000 đồng và lãi suất 240.100.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng. Tuy nhiên, qua xem xét các bản sao kê Ngân hàng do bà N cung cấp thì thấy chưa đủ căn cứ để xác định việc bà N đã trả số tiền nêu trên cho bà L, vì trong các bản sao kê Ngân hàng không thể hiện rõ người được nhận tiền là ai, đồng thời theo bà N trình bày bà N đã sử dụng tài khoản Ngân hàng của chồng bà là ông Hoàng Trọng T để trả nợ cho bà L, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng Trọng T có mặt và trình bày việc vay tiền giữa bà L với bà N và việc bà N có sử dụng tài khoản ngân hàng của ông T hay không thì ông không biết và không liên quan nên không có giá trị chứng minh. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm thì bà N có lời khai mâu thuẫn với nhau, cụ thể tại cấp sơ thẩm bà N không thừa nhận đã vay tiền bà L với số tiền 850.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà N lại thừa nhận có vay bà L với số tiền 850.000.000 đồng như 02 giấy vay tiền ghi ngày 31/10/2021 và 01/11/2021. Ngoài ra, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có thể hiện tin nhắn giữa bà L với bà N sau thời điểm bà N ký 02 giấy vay tiền nêu trên thể hiện những đoạn tin nhắn có chứa nội dung về việc bà L đòi tiền bà N và việc bà N chưa có tiền trả cho bà L và khất nợ nhiều lần. Như vậy, lời khai của bà N không thống nhất với nhau nên không đủ cơ sở để xác định bà N đã trả một phần số tiền gốc và tiền lãi cho bà L. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà N mà cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Do tại phiên tòa phúc thẩm bà L không có mặt tại phiên tòa và bà N lại thay đổi lời khai nên đối với việc bà N cho rằng đã trả cho bà L một phần tiền gốc và tiền lãi, nếu sau này bà N có đủ chứng cứ chứng minh thì bà N có quyền yêu cầu bà L trả lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Tuyết N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 30/09/2023 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng các Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào các Điều 91, Điều 92, Điều 102, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi suất; Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L;

Buộc bị đơn bà Trần Thị Tuyết N phải trả cho bà Nguyễn Thị L với số tiền 969.931.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi chín triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn đồng*), trong đó: 450.000.000 đồng nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 31/10/2021 và 400.000.000 đồng nợ gốc theo giấy vay tiền ghi ngày 01/11/2021; 119.931.000 đồng tiền lãi chậm trả trên tổng nợ gốc 850.000.000 đồng tạm tính từ ngày 16/11/2021 đến ngày 15/4/2023.

Kể từ ngày 01/10/2023, cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị Tuyết N phải chịu 41.098.000 đồng *(Bốn mươi mốt triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L 20.550.000 đồng *(Hai mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị L đã nộp theo Biên lai số AA/2022/0000594 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MĐ.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Trần Thị Tuyết N đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2022/0000615 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, bà Trần Thị Tuyết N đã thi hành xong phần án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện MĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr